

MỤC LỤC

PHẦN A. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	2
I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG	2
Điều 1. Giải thích từ ngữ	2
Điều 2. Nguyên tắc áp dụng	2
II. QUY ĐỊNH VỀ PHÍ, CHI PHÍ	3
Điều 3. Phí, Chi phí	3
III. QUY ĐỊNH VỀ TRẢ NỢ	4
Điều 4. Phương thức trả nợ	4
Điều 5. Trả nợ gốc trước hạn theo đề nghị của Bên được cấp tín dụng	4
Điều 6. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ	4
Điều 7. Chuyển nợ quá hạn	4
Điều 8. Thu hồi trước hạn Các khoản phải trả	5
IV. QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN BẢO ĐẢM	6
Điều 9. Xử lý tài sản bảo đảm	6
V. QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN	6
Điều 10. Quyền và trách nhiệm của Bên được cấp tín dụng	6
Điều 11. Quyền và trách nhiệm của NCB	7
VI. QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO	7
Điều 12. Cung cấp thông tin và kiểm tra tín dụng	7
Điều 13. Thông báo	8
PHẦN B. ĐIỀU KIỆN VỀ CẤP TÍN DỤNG THEO HẠN MỨC	9
Điều 1. Điều kiện sử dụng hạn mức	9
Điều 2. Phương thức sử dụng hạn mức	10
Điều 3. Xét lại hạn mức	10
Điều 4. Nhận nợ bắt buộc	11
PHẦN C. ĐIỀU KHOẢN CHI TIẾT VỀ VIỆC CẤP TÍN DỤNG KHÁC	11
PHỤ LỤC 01: VỀ ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN CHUNG VỀ BẢO VỆ VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN	12

**ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN CHUNG VỀ CẤP TÍN DỤNG
ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI NGÂN HÀNG TMCP QUỐC DÂN**

(Có hiệu lực từ ngày 20/07/2024)

Ngân hàng TMCP Quốc Dân “NCB” cấp tín dụng theo điều khoản, điều kiện sau đây:

PHẦN A. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- 1.1. *NCB/Ngân hàng*: Là Ngân hàng TMCP Quốc Dân, bao gồm Hội sở chính, các chi nhánh, Phòng giao dịch và các đơn vị trực thuộc.
- 1.2. *Bên được cấp tín dụng*: là cá nhân có nhu cầu cấp tín dụng và được NCB chấp thuận cấp tín dụng theo thỏa thuận tại (các) Hợp đồng cấp tín dụng. Thông tin định danh của cá nhân được quy định cụ thể tại các Hợp đồng cấp tín dụng ký giữa Bên được cấp tín dụng và NCB.
- 1.3. *Cấp tín dụng*: Là việc NCB thỏa thuận để Bên được cấp tín dụng sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.
- 1.4. *Hợp đồng cấp tín dụng*: Là các văn bản, Hợp đồng có thỏa thuận cấp tín dụng (bao gồm nhưng không giới hạn: Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng, Hợp đồng cho vay; Khế ước nhận nợ; Giấy đề nghị phát hành Thư tín dụng hoặc Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành Thư tín dụng; Thỏa thuận cấp bảo lãnh; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi và/hoặc Hợp đồng/văn bản thỏa thuận khác liên quan đến việc cấp tín dụng, cùng tất cả các Phụ lục, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản kèm theo khác được ký kết giữa NCB, Bên được cấp tín dụng và Bên thứ ba khác có liên quan (nếu có)).
- 1.5. *Các khoản phải trả*: Là toàn bộ các khoản tiền mà Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ thanh toán cho NCB, bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, tiền phạt, bồi thường thiệt hại, chi phí định giá (nếu có), phí công chứng hợp đồng (nếu có), phí đăng ký giao dịch bảo đảm (nếu có), phí bảo hiểm (nếu có), chi phí xử lý tài sản bảo đảm và các khoản phí, chi phí, nghĩa vụ tài chính khác được thỏa thuận cụ thể trong các Hợp đồng cấp tín dụng.
- 1.6. *Hạn mức cấp tín dụng* là mức dư nợ tối đa NCB cấp cho Bên được cấp tín dụng theo Hợp đồng hạn mức, bao gồm dư nợ cho vay, thấu chi và số dư các khoản bảo lãnh, phát hành L/C và/hoặc các khoản tín dụng khác mà NCB cấp cho Bên được cấp tín dụng.
- 1.7. *Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung* là Điều khoản điều kiện chung về cấp tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân này và tất cả các Phụ lục kèm theo, các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

- 2.1. Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này điều chỉnh mối quan hệ giữa Bên được cấp tín dụng với NCB khi Bên được cấp tín dụng có nhu cầu cấp tín dụng, đã đề xuất và được NCB chấp thuận cấp tín dụng theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng.
- 2.2. Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này cùng với (i) Hợp đồng cấp tín dụng, (ii) các thỏa thuận khác giữa NCB với Bên được cấp tín dụng liên quan đến việc cấp tín dụng (nếu có), (iii) các thông báo/văn bản do NCB đơn phương gửi Bên được cấp tín dụng theo thỏa thuận cụ thể tại

các Hợp đồng cấp tín dụng (nếu có) và (iv) các văn bản cam kết khác mà Bên được cấp tín dụng cam kết với NCB, (v) các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung tương ứng của từng văn kiện giao dịch nêu trên tạo thành một thỏa thuận thống nhất, không tách rời, có giá trị pháp lý như một Hợp đồng cấp tín dụng hoàn chỉnh.

- 2.3. Việc nhắc đến thuật ngữ bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này và/hoặc Hợp đồng cấp tín dụng được hiểu rằng đã bao gồm tất cả các văn kiện giao dịch được đề cập tại Khoản 2.2 Điều này.
- 2.4. Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ phải đọc kỹ nội dung (i) các văn bản nêu tại Khoản 2.2 Điều này, (ii) Văn bản phê duyệt tín dụng NCB gửi Bên được cấp tín dụng, (iii) tất cả các văn bản phát sinh hoặc liên quan đến Hợp đồng cấp tín dụng trước khi ký Hợp đồng cấp tín dụng. Việc Bên được cấp tín dụng ký Hợp đồng cấp tín dụng được hiểu là Bên được cấp tín dụng đã đọc, đã được NCB (bao gồm cả cán bộ nhân viên của NCB) giải thích đầy đủ, chi tiết, đã hiểu rõ về các quyền, nghĩa vụ, hậu quả pháp lý và đồng ý với nội dung bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này.
- 2.5. Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này được các bên giao kết hoàn toàn dựa trên sự tự nguyện, không bị ép buộc đồng thời nội dung và hình thức của bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này là phù hợp theo quy định của pháp luật. Bên được cấp tín dụng cũng đồng ý rằng trường hợp vì bất kỳ lý do gì dẫn tới tranh chấp và/hoặc tính hợp pháp của bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này, trên bất kỳ phương diện nào, dù là không được cơ quan có thẩm quyền công nhận cũng không làm ảnh hưởng tới hiệu lực và nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ thanh toán của Bên được cấp tín dụng theo Hợp đồng cấp tín dụng và các thỏa thuận khác giữa NCB với Bên được cấp tín dụng, Bên thứ ba khác có liên quan (nếu có).
- 2.6. Các nội dung không được quy định tại bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này sẽ thực hiện theo quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng và/hoặc các bản hợp đồng và điều khoản điều kiện sản phẩm cụ thể. Trường hợp có bất kỳ nội dung mâu thuẫn nào giữa bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này với các văn kiện giao dịch nêu trên thì ưu tiên áp dụng nội dung của các văn kiện giao dịch đó.
- 2.7. Trong quá trình sử dụng dịch vụ, Bên được cấp tín dụng đồng ý rằng NCB có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật và NCB sẽ công bố công khai trên website của NCB (<https://www.ncb-bank.vn>) và tại các điểm giao dịch của NCB. Việc Bên được cấp tín dụng tiếp tục sử dụng dịch vụ của NCB sau thời điểm hiệu lực của bản Điều Khoản Điều Kiện Chung đã được sửa đổi, bổ sung được hiểu là Bên được cấp tín dụng đã đọc, hiểu rõ và chấp thuận các nội dung sửa đổi, bổ sung đó.
- 2.8. Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này được lập bằng tiếng Việt và có thể dịch sang tiếng nước ngoài (nếu cần thiết). Trong trường hợp có sự mâu thuẫn hay khác biệt giữa bản tiếng nước ngoài và bản tiếng Việt thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

MỤC 2. QUY ĐỊNH VỀ PHÍ, CHI PHÍ

Điều 3. Phí, Chi phí

- 3.1. Các loại phí, chi phí liên quan đến các khoản Cấp tín dụng thực hiện theo quy định của NCB áp dụng tại thời điểm Cấp tín dụng hoặc Hợp đồng cấp tín dụng hoặc thỏa thuận cụ thể khác giữa hai bên (nếu có).
- 3.2. Các khoản phí, chi phí này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và các mức phí trên có thể được điều chỉnh theo quy định của NCB trong từng thời kỳ và NCB thực hiện thông báo cho Bên được cấp tín dụng bằng hình thức gửi tin nhắn (SMS) hoặc thư điện tử (e-mail) hoặc thư bảo đảm tới số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ của Bên được cấp tín dụng cung cấp cho NCB hoặc công bố công khai trên website của NCB (<https://www.ncb-bank.vn>) hoặc hình thức khác phù hợp với công nghệ của NCB tại thời điểm điều chỉnh.

- 3.3. Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm thanh toán cho NCB các khoản phí ngay khi phát sinh hoặc thanh toán theo yêu cầu của NCB tại thời điểm Cấp tín dụng hoặc thời điểm khác theo yêu cầu/thông báo của NCB.

MỤC 3. QUY ĐỊNH VỀ TRẢ NỢ

Điều 4. Phương thức trả nợ

Điều 5. Trả nợ gốc trước hạn theo đề nghị của Bên được cấp tín dụng

- 5.1. Trả nợ gốc trước hạn: Là việc Bên được cấp tín dụng trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc trước khi chưa đến hạn trả nợ theo thỏa thuận trong (các) Hợp đồng cấp tín dụng và/hoặc văn bản thỏa thuận khác giữa hai bên. Việc Bên được cấp tín dụng trả nợ gốc trước hạn một phần hoặc toàn bộ phải tuân thủ và thực hiện theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.
- 5.2. Khi được NCB chấp thuận cho trả nợ gốc trước hạn, Bên được cấp tín dụng phải trả phí trả nợ trước hạn cho NCB theo mức phí quy định tại (các) Hợp đồng cấp tín dụng hoặc theo quy định của NCB tại thời điểm trả nợ trước hạn nếu mức phí tại thời điểm trả nợ trước hạn khác với mức phí thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng.
- 5.3. Cách tính phí trả nợ gốc trước hạn được thực hiện theo quy định của NCB trong từng thời kỳ. Khi thực hiện thủ tục trả nợ trước hạn, Bên được cấp tín dụng phải ghi rõ nội dung trả nợ trước hạn trong uỷ nhiệm chi, lệnh chuyển tiền hoặc chứng từ khác.

Điều 6. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

- 6.1. Đến hạn trả nợ (gốc và/hoặc lãi), nếu Bên được cấp tín dụng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn hoặc không có khả năng trả nợ gốc và/hoặc lãi đúng thời hạn cho vay thì phải gửi Giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ (Gia hạn nợ hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ) cho NCB trước mỗi kỳ hạn/thời hạn trả nợ theo thời hạn mà NCB quy định. Giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải nêu rõ lý do đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ; khả năng, thời hạn và nguồn trả nợ, kèm theo các tài liệu chứng minh.
- 6.2. NCB xem xét, đánh giá khả năng trả nợ, nguồn trả nợ của Bên được cấp tín dụng và các yếu tố khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và NCB để quyết định:
- a) Đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Bên được cấp tín dụng và ký văn bản để xác định lịch trả nợ mới. Trong trường hợp này Bên được cấp tín dụng phải:
 - (i) Thực hiện hoàn tất các điều kiện và hồ sơ cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo yêu cầu của NCB, đồng thời đồng ý với mức lãi suất điều chỉnh khoản vay được cơ cấu lại theo sự điều chỉnh của NCB.
 - (ii) Thanh toán cho NCB mọi khoản phí, phạt, chi phí khác có liên quan đến việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo thông báo hoặc quy định của NCB được công bố công khai tại thời điểm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ.
 - b) Không đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Trong trường hợp này, Bên được cấp tín dụng phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn đã cam kết.
- 6.3. Lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ (gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ): Nếu Bên được cấp tín dụng được NCB đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì Bên được cấp tín dụng đồng ý mức lãi suất điều chỉnh lại theo quyết định điều chỉnh lãi suất cho vay tại thời điểm cơ cấu lại của NCB.

Điều 7. Chuyển nợ quá hạn

- 7.1. Chuyển nợ quá hạn: Các khoản nợ gốc của Bên được cấp tín dụng được chuyển sang nợ quá hạn vào ngày liền sau ngày phát sinh một hoặc một số sự kiện sau:
- a) Bên được cấp tín dụng chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đầy đủ số dư nợ gốc cho NCB theo đúng thời hạn đã thỏa thuận với NCB và không được NCB cơ cấu lại thời hạn trả nợ;

- b) Bên được cấp tín dụng không thanh toán số nợ gốc theo đúng thời hạn được NCB yêu cầu, trong trường hợp Bên được cấp tín dụng phải trả nợ trước hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng và Bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này.
- 7.2. Các khoản nợ lãi của Bên được cấp tín dụng được chuyển sang nợ chậm trả vào ngày liền sau ngày phát sinh một hoặc một số sự kiện sau:
- a) Bên được cấp tín dụng chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đầy đủ nợ lãi cho NCB theo đúng thời hạn đã thỏa thuận với NCB kể cả trường hợp được NCB cơ cấu thời hạn trả nợ;
- b) Bên được cấp tín dụng không thanh toán nợ lãi theo đúng thời hạn được NCB yêu cầu, trong trường hợp Bên được cấp tín dụng phải trả nợ trước hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng.
- 7.3. Nếu Bên được cấp tín dụng bị chuyển nợ quá hạn thì Bên được cấp tín dụng phải trả cho NCB Lãi quá hạn với lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn hoặc tại thời điểm khác theo quy định của NCB, được áp dụng với nợ gốc quá hạn (bao gồm cả nợ gốc quá hạn trong trường hợp phải trả nợ trước hạn).
- Lãi quá hạn được tính trên cơ sở Số nợ gốc phải trả nhưng chưa trả, Lãi suất nợ quá hạn (%/năm), Số ngày chậm trả nợ gốc. Trong đó, Số ngày chậm trả nợ gốc được tính từ ngày đến hạn trả nợ gốc đến ngày Bên được cấp tín dụng trả đủ nợ gốc.
- 7.4. NCB được quyền thu hồi các Khoản phải trả của Bên được cấp tín dụng đối với NCB phát sinh liên quan đến Hợp đồng cấp tín dụng và/hoặc (các) Hợp đồng cấp tín dụng nếu khoản Cấp tín dụng bị chuyển nợ quá hạn theo thứ tự như sau:
- a) Đối với các Khoản phải trả là nợ gốc, nợ lãi tiền vay:
- (i) Trường hợp các Khoản phải trả có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn, NCB được quyền thu nợ theo thứ tự như sau: thu nợ gốc đã quá hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, thu nợ gốc đến hạn, thu nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả.
- (ii) Trường hợp toàn bộ Khoản phải trả bị quá hạn trả nợ, NCB được quyền thu nợ theo thứ tự như sau: nợ gốc, nợ lãi tiền vay.
- b) Đối với các Khoản phải trả khác thứ tự thu nợ được thực hiện theo quy định của NCB tại thời điểm thu nợ.
- 7.5. Nợ quá hạn nêu tại khoản 1 Điều này chỉ làm căn cứ tính lãi quá hạn và lãi chậm trả giữa hai bên.
- 7.6. Việc chuyển nhóm nợ thực hiện theo quy định phân loại nợ của Ngân hàng Nhà nước và của NCB.

Điều 8. Thu hồi trước hạn Các khoản phải trả

- 8.1. Trường hợp NCB thu hồi trước hạn Các khoản phải trả, NCB sẽ thông báo cho Bên được cấp tín dụng biết bằng văn bản. Bên được cấp tín dụng phải trả cho NCB đầy đủ Các khoản phải trả theo thời hạn mà NCB thông báo.
- 8.2. Nếu Bên được cấp tín dụng không trả hoặc không trả đầy đủ Các khoản phải trả cho NCB theo thời hạn NCB thông báo thì toàn bộ dư nợ gốc đến hạn phải trả sẽ chuyển thành nợ quá hạn. Bên được cấp tín dụng phải trả cho NCB lãi quá hạn tính trên toàn bộ dư nợ gốc quá hạn, theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng và/hoặc Hợp đồng cấp tín dụng và/hoặc văn bản thỏa thuận khác giữa hai Bên. Ngoài ra Bên được cấp tín dụng phải trả cho NCB lãi chậm trả trên số tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng và/hoặc Hợp đồng cấp tín dụng. NCB đồng thời sẽ áp dụng ngay các biện pháp thu hồi nợ quá hạn theo thỏa thuận

tại Hợp đồng cấp tín dụng và/hoặc Hợp đồng cấp tín dụng và/hoặc (các) Hợp đồng bảo đảm để thu hồi nợ quá hạn.

MỤC 4. QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Điều 9. Xử lý tài sản bảo đảm

- 9.1. NCB được quyền xử lý (các) Tài sản bảo đảm theo các phương thức đã thỏa thuận trong (các) Hợp đồng bảo đảm nếu Bên được cấp tín dụng không trả cho NCB Các khoản phải trả đầy đủ và đúng hạn, kể cả trường hợp NCB thu hồi trước hạn Các khoản phải trả như thỏa thuận tại (các) Hợp đồng cấp tín dụng và/hoặc văn bản thỏa thuận khác giữa hai bên.
- 9.2. Trường hợp nghĩa vụ trả Các khoản phải trả được bảo đảm bằng nhiều tài sản bảo đảm thì NCB được quyền lựa chọn bất kỳ tài sản bảo đảm nào trong các tài sản bảo đảm đó để xử lý trước hoặc xử lý cùng lúc tất cả các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ (không phân biệt giá trị tài sản, thời gian đưa vào bảo đảm và thời gian đến hạn trả nợ).
- 9.3. Trường hợp (các) Tài sản bảo đảm bảo đảm cho nhiều nghĩa vụ trả trả nợ thì NCB được quyền lựa chọn để thu hồi trước bất kỳ khoản nào trong Các khoản phải trả hoặc thu hồi cùng lúc tất cả Các khoản phải trả.
- 9.4. Thứ tự ưu tiên thu nợ khi xử lý tài sản bảo đảm: thực hiện theo thứ tự thu hồi nợ của hai bên khi chuyển nợ quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng.
- 9.5. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm và việc áp dụng các biện pháp thu hồi nợ khác không đủ để trả Các khoản phải trả thì Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm tiếp tục dùng mọi nguồn thu nhập, tài sản của Bên được cấp tín dụng để tiếp tục trả nợ cho NCB cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ.

MỤC 5. QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng

- 10.1. Từ chối các yêu cầu của NCB không đúng với thỏa thuận trong (các) Hợp đồng cấp tín dụng cụ thể, (các) Hợp đồng bảo đảm và các văn bản thỏa thuận khác giữa hai bên.
- 10.2. Bên được cấp tín dụng được quyền yêu cầu NCB trả lại các khoản mà Bên được cấp tín dụng có cơ sở và chứng minh được là NCB tính/hạch toán không đúng số tiền mà Bên được cấp tín dụng phải trả cho NCB do lỗi của NCB.
- 10.3. Trả cho NCB Các khoản phải trả đầy đủ và đúng hạn.
- 10.4. Tạo điều kiện thuận lợi để NCB kiểm tra, giám sát và cung cấp theo yêu cầu của NCB các thông tin và hồ sơ liên quan đến việc Cấp tín dụng, hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính, tài sản bảo đảm của Bên được cấp tín dụng hoặc Bên bảo đảm (nếu có); chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin và hồ sơ đã cung cấp.
- 10.5. Sử dụng vốn vay đúng mục đích và không sử dụng vốn vay vào mục đích trái pháp luật (trong trường hợp NCB Cấp tín dụng cho Bên được cấp tín dụng dưới hình thức Cho vay) đồng thời phải báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng theo yêu cầu của NCB.
- 10.6. Bên được cấp tín dụng có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và theo (các) Hợp đồng cấp tín dụng, các Thỏa thuận giữa NCB và Bên được cấp tín dụng và Điều Khoản Điều Khoản Chung này.
- 10.7. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng cấp tín dụng, Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm (nếu có) không bị bất cứ bên thứ ba nào tranh chấp, khiếu nại, khởi kiện hoặc là bị đơn trong vụ án dân sự, hành chính hoặc hình sự và không có nghĩa vụ phải thi hành các Bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền nào hoặc không bị hạn chế theo bất cứ thỏa thuận nào Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên bảo đảm hiện có với bên thứ ba khác có khả năng làm ảnh hưởng đến việc ký kết và thực hiện nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng theo Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, của Bên bảo đảm đối với Hợp đồng bảo đảm.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của NCB

- 11.1. Được quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, trả nợ của Bên được cấp tín dụng và yêu cầu Bên được cấp tín dụng cung cấp thông tin và hồ sơ liên quan đến việc Cấp tín dụng, hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính, tài sản bảo đảm của Bên được cấp tín dụng và Bên bảo đảm trước, trong và sau khi Cấp tín dụng.
- 11.2. Yêu cầu Bên được cấp tín dụng thực hiện đầy đủ và đúng hạn nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh (trong trường hợp NCB Cấp tín dụng cho Bên được cấp tín dụng dưới hình thức Bảo lãnh).
- 11.3. Thực hiện đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng, (các) Hợp đồng cấp tín dụng cụ thể và (các) Hợp đồng bảo đảm.
- 11.4. Lưu trữ hồ sơ Cấp tín dụng theo quy định của pháp luật.
- 11.5. NCB có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Hợp đồng cấp tín dụng và Điều Khoản Điều Kiện Chung này.

MỤC 6. QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO**Điều 12. Cung cấp thông tin và kiểm tra tín dụng**

- 12.1. Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm cung cấp thông tin bằng văn bản cho NCB trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng như sau:
 - a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến nhân thân, hoạt động, tài chính, tài sản của Bên được cấp tín dụng (cả vợ và chồng) tại bất cứ thời điểm nào khi có sự thay đổi so với các thông tin đã cung cấp cho NCB trước đó hoặc khi NCB có yêu cầu; đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin, tài liệu cung cấp cho NCB;
 - b) Thông báo ngay lập tức cho NCB ngay khi phát sinh các sự kiện sau:
 - (i) Thay đổi CMND/CCCD/Hộ chiếu, nơi cư trú, nơi làm việc, tình trạng hôn nhân hoặc các thông tin liên quan đến nhân thân (nếu có);
 - (ii) Thay đổi thông tin về Tài sản bảo đảm/Bên bảo đảm và/hoặc Tài sản bảo đảm không còn hoặc không còn đủ giá trị bảo đảm cho các Khoản phải trả;
 - (iii) Các thông tin và tài liệu liên quan khi phát sinh sự kiện quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 11 Hợp đồng cấp tín dụng;
 - (iv) Có nguy cơ mất khả năng thanh toán hoặc phát sinh các sự kiện khác ảnh hưởng đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của Bên được cấp tín dụng.
 - (v) Các thông tin, tài liệu, sự kiện bất kỳ khác làm ảnh hưởng đến việc Cấp tín dụng và/hoặc khả năng thanh toán Các khoản phải trả cho NCB.
- 12.2. Thỏa thuận về việc cung cấp Thông tin tín dụng cho Công ty Thông tin tín dụng:
 - a) Bên được cấp tín dụng đồng ý cho NCB cung cấp thông tin tín dụng của Bên được cấp tín dụng tại NCB cho công ty thông tin tín dụng (“Đối tác”) mà NCB đang là tổ chức tham gia (hoặc dự kiến là tổ chức tham gia).
 - b) Hiện nay, Đối tác mà NCB là tổ chức tham gia là :
 - Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN DỤNG VIỆT NAM (PCB);
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0102547296;
 - Đăng ký lần đầu: ngày 27/11/2007.

- c) Trường hợp, sau khi xác lập Hợp đồng cấp tín dụng, NCB thay đổi Đối tác hoặc bổ sung thêm Đối tác khác (nếu quy định pháp luật cho phép) thì NCB có trách nhiệm thông báo cho Bên được cấp tín dụng (bao gồm: Tên công ty thông tin tín dụng; số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thông tin khác liên quan) trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày NCB cam kết cung cấp thông tin tín dụng với một công ty thông tin tín dụng.
 - d) Nội dung thông tin tín dụng được cung cấp ("*Thông tin*"): các dữ liệu, số liệu, và các thông tin tín dụng có liên quan khác của Bên được cấp tín dụng tại NCB. Việc thực hiện cung cấp thông tin tín dụng của NCB cho Đối tác đảm bảo phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.
 - e) Khi Đối tác bị thu hồi Giấy chứng nhận hoặc không còn hợp tác với NCB, NCB sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của Bên được cấp tín dụng cho Đối tác và Bên được cấp tín dụng đồng ý thông tin tín dụng của Bên được cấp tín dụng tại Đối tác được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. NCB có trách nhiệm thông báo với Bên được cấp tín dụng về việc xử lý thông tin tín dụng của Bên được cấp tín dụng trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày NCB nhận được thông báo của Đối tác về phương án xử lý thông tin tín dụng.
 - f) Trường hợp, sau khi Hợp đồng cấp tín dụng có hiệu lực mà các nội dung quy định của pháp luật về cung cấp Thông tin tín dụng cho Công ty Thông tin tín dụng có thay đổi thì việc cung cấp thông tin tín dụng của Bên được cấp tín dụng tại NCB cho Công ty Thông tin tín dụng sẽ do NCB toàn quyền quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
 - g) Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, các văn bản thỏa thuận khác giữa Bên được cấp tín dụng và NCB và Điều Khoản Điều Kiện Chung này.
- 12.3. Việc quản lý thông tin, dữ liệu cá nhân của các bên được thực hiện theo quy định tại (các) Hợp đồng cấp tín dụng, Phụ lục 01 - Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân kèm theo Điều Khoản Điều Kiện Chung này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 13. Thông báo

- 13.1. Thông báo được coi là đã gửi và đã nhận thành công khi thông báo đó: (i) được gửi trực tiếp tới tay Bên Chăm Cố hoặc người đại diện hợp pháp của Bên Chăm Cố, người đại diện theo pháp luật của NCB hoặc nhân viên có thẩm quyền của NCB; hoặc (ii) theo xác nhận của cơ quan bưu chính; hoặc (iii) nếu gửi bằng phương tiện điện tử thì một bên được xem là đã nhận khi hoàn tất việc gửi mà không bị gián đoạn bởi đường truyền trong quá trình gửi; hoặc (iv) khi có báo cáo từ máy fax của bên gửi gửi xác nhận đã chuyển; và/hoặc ngày được công bố chính thức trên website của NCB (<https://www.ncb-bank.vn>).
- 13.2. Trường hợp thời điểm nhận thông báo theo quy định tại Khoản 13.1 Điều này không phải là ngày làm việc hoặc sau giờ làm việc của bên nhận thông báo thì thời điểm nhận thông báo là ngày làm việc tiếp theo.

MỤC 7. QUY ĐỊNH VỀ BẢO MẬT THÔNG TIN

Điều 14. Bảo mật thông tin

- 14.1. Bên được cấp tín dụng cam kết bảo mật các thông tin liên quan/phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng hoặc các thông tin của NCB mà Bên được cấp tín dụng có được do NCB và/hoặc cán bộ, nhân viên của NCB cung cấp (*Sau đây gọi tắt là "Thông tin"*) cho bất kỳ bên thứ ba nào khác (trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) mà không được sự đồng ý bằng văn bản của NCB. Để làm rõ, Bên được cấp tín dụng được quyền cung cấp các thông tin này cho cán bộ, nhân viên của mình để thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng, với điều kiện cán bộ, nhân viên của Bên được cấp tín dụng phải tuân thủ nghĩa vụ về bảo mật thông

tin này và Bên được cấp tín dụng phải chịu trách nhiệm trong trường hợp cán bộ, nhân viên của mình vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin.

- 14.2. Bên được cấp tín dụng cam kết không thực hiện sao chép hoặc tái bản hoặc chuyển thành văn bản hoặc biểu hiện khác hoặc giữ bất cứ hồ sơ chứa bất kỳ Thông tin nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của NCB.
- 14.3. Trong trường hợp Bên được cấp tín dụng buộc phải tiết lộ các Thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: (i) Bên được cấp tín dụng sẽ thông báo cho NCB bằng văn bản trước khi cung cấp thông tin để NCB có thể thực hiện các hành động thích hợp hoặc các biện pháp bảo vệ phù hợp khác và (ii) Bên được cấp tín dụng có trách nhiệm thực hiện theo đúng các yêu cầu và biện pháp khắc phục do NCB đưa ra. Trong trường hợp không có được các biện pháp bảo vệ này, Bên được cấp tín dụng cam kết sẽ chỉ cung cấp phần thông tin đúng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo cách thức phù hợp để bảo mật thông tin.
- 14.4. Bên được cấp tín dụng sẽ thông báo ngay lập tức cho NCB bất kỳ việc sử dụng hoặc tiết lộ trái phép hoặc lạm dụng bởi bất kỳ người nào đối với bất kỳ Thông tin nào, sau khi Bên được cấp tín dụng nhận được, có được thông tin hoặc có thông báo hoặc biết về những vi phạm này.

PHẦN B. ĐIỀU KIỆN VỀ CẤP TÍN DỤNG THEO HẠN MỨC

Điều 1. Điều kiện sử dụng hạn mức

- 1.1. Bên được cấp tín dụng được sử dụng hạn mức tín dụng và duy trì sử dụng hạn mức tín dụng khi Bên được cấp tín dụng đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - a) Đáp ứng các điều kiện sử dụng hạn mức nêu tại (các) Hợp đồng cấp tín dụng ký giữa NCB và Bên được cấp tín dụng và Điều Khoản Điều Kiện Chung này;
 - b) Đáp ứng và đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu, điều kiện cấp tín dụng theo quy định của NCB và pháp luật khi cấp tín dụng;
 - c) Sử dụng các hạn mức theo đúng mục đích nêu tại Hợp đồng cấp tín dụng và cung cấp cho NCB các văn bản, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng đúng pháp luật, đúng thẩm quyền và chịu trách nhiệm về việc sử dụng đúng mục đích đó.
 - d) Hoàn tất hồ sơ đề nghị cấp tín dụng tương ứng với hạn mức sử dụng (giải ngân/ phát hành thư bảo lãnh/thấu chi/ hoặc nghiệp vụ khác, bao gồm cả việc ký (các) Hợp đồng cấp tín dụng và các chứng từ khác có liên quan) trong thời hạn NCB yêu cầu; bàn giao đầy đủ cho NCB các hồ sơ tài liệu pháp lý liên quan đến tư cách chủ thể pháp lý của Bên được cấp tín dụng, báo cáo tài chính, hoạt động kinh doanh; hoàn tất các thủ tục giao dịch bảo đảm, mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm và tài sản khác của Bên được cấp tín dụng theo quy định của NCB và hoàn tất các thủ tục khác (nếu có) theo quy định của NCB trong từng thời kỳ trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản;
 - e) Bên được cấp tín dụng đã thanh toán cho NCB các khoản phí, chi phí liên quan vào trước ngày sử dụng hạn mức cụ thể theo quy định của NCB trong từng thời kỳ.
 - f) Các điều kiện khác quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng và của pháp luật (nếu có) tại thời điểm cấp tín dụng.
- 1.2. NCB được quyền từ chối Cấp tín dụng trong các trường hợp sau:
 - a) Yêu cầu Cấp tín dụng của Bên được cấp tín dụng không phù hợp với nội dung của Hợp đồng cấp tín dụng, Điều Khoản Điều Kiện Chung này;

- b) Yêu cầu Cấp tín dụng của Bên được cấp tín dụng không phù hợp với chính sách tín dụng của NCB hoặc các quy định của pháp luật và NCB có thông báo bằng văn bản cho Bên được cấp tín dụng về việc không phù hợp.
- c) Các bên không thỏa thuận được các nội dung của Hợp đồng cấp tín dụng; hoặc
- d) Bên được cấp tín dụng đã và/hoặc đang phát sinh nợ không đủ tiêu chuẩn hoặc đang có các khoản chậm thanh toán tại NCB hoặc các tổ chức tín dụng khác; hoặc
- e) Bên được cấp tín dụng không đáp ứng được điều kiện nêu tại các Văn kiện tín dụng ký giữa NCB và Bên được cấp tín dụng và Điều Khoản Điều Kiện Chung này; hoặc
- f) NCB phát hiện Bên được cấp tín dụng cung cấp thông tin sai sự thật; hoặc
- g) NCB nhận định là có khả năng xảy ra rủi ro khi thực hiện Cấp tín dụng cho Bên được cấp tín dụng;

Điều 2. Phương thức sử dụng hạn mức

- 2.1. Mỗi lần Bên được cấp tín dụng đáp ứng đủ điều kiện và được NCB đồng ý cho phép sử dụng hạn mức theo Hợp đồng cấp tín dụng, các bên sẽ ký các Hợp đồng cấp tín dụng và ký các văn bản, chứng từ khác có liên quan theo quy định của NCB trong từng thời kỳ trước khi sử dụng hạn mức.
- 2.2. Trong thời hạn duy trì hạn mức, Bên được cấp tín dụng được cấp tín dụng (giải ngân/ phát hành thư bảo lãnh/thấu chi hoặc nghiệp vụ khác) nhiều lần nhưng tổng dư nợ cấp tín dụng của Bên được cấp tín dụng tại NCB theo Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng không vượt quá hạn mức cấp tín dụng nêu tại Hợp đồng cấp tín dụng đồng thời không vượt quá giới hạn cấp tín dụng theo quy định của Pháp luật và của NCB tại từng thời kỳ.
- 2.3. Thời điểm ký kết Hợp đồng cấp tín dụng và/hoặc Thời điểm giải ngân phải nằm trong Thời hạn duy trì hạn mức.
- 2.4. Thời hạn cấp tín dụng: Được xác định cụ thể theo Hợp đồng cấp tín dụng tương ứng với từng hạn mức mà Bên được cấp tín dụng được sử dụng.

Điều 3. Xét lại hạn mức

- 3.1. Hạn mức cấp tín dụng trong Hợp đồng hạn mức này được NCB rà soát định kỳ hoặc đột xuất bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn sử dụng hạn mức để xem xét lại việc cấp hạn mức tín dụng cho Bên được cấp tín dụng.
- 3.2. Tùy thuộc vào chính sách tín dụng của NCB tại thời điểm xem xét lại Hạn mức, NCB có quyền điều chỉnh/gia hạn/tái cấp/thay đổi... hạn mức và/hoặc điều kiện cấp hạn mức tín dụng, kể cả chấm dứt việc Cấp hạn mức tín dụng theo các thỏa thuận trong (các) Hợp đồng cấp tín dụng của Bên được cấp tín dụng.
- 3.3. NCB sẽ thông báo cho Bên được cấp tín dụng về quyết định của mình và:
 - a) Hai bên sẽ ký phụ lục hoặc Hợp đồng hạn mức mới hoặc văn bản khác theo quyết định của NCB. Trong trường hợp theo quyết định điều chỉnh/tái cấp/gia hạn mà hạn mức nhỏ hơn hạn mức cũ thì Bên được cấp tín dụng phải trả nợ gốc trước hạn đảm bảo tổng dư nợ cấp tín dụng của hạn mức mới về mức theo yêu cầu điều chỉnh của NCB. Trong trường hợp này Bên được cấp tín dụng không phải trả phí trả nợ trước hạn.
 - b) Trường hợp NCB chấm dứt hạn mức trước hạn thì Bên được cấp tín dụng không được tiếp tục sử dụng hạn mức và Bên được cấp tín dụng phải hoàn trả toàn bộ dư nợ, lãi, các chi phí (Các

khoản phải trả) trước hạn cho NCB. Trong trường hợp này Bên được cấp tín dụng không phải trả phí trả nợ trước hạn.

Điều 4. Nhận nợ bắt buộc

- 4.1. Nhận nợ bắt buộc: Trường hợp NCB phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Cam kết bảo lãnh, NCB thông báo và ghi nợ ngay số tiền mà NCB đã phải trả thay sau khi trừ đi phần thu hồi từ tiền ký quỹ Bảo lãnh và các khoản tiền khác (nếu có) của Bên được cấp tín dụng tại NCB. Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ nhận nợ bắt buộc mà không phụ thuộc vào việc có ký Khế ước nhận nợ hay không. Bên được cấp tín dụng chịu lãi suất nhận nợ bắt buộc bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng với Bên được cấp tín dụng hoặc mức lãi suất cụ thể do NCB quy định tại thời điểm NCB chuyển nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng sang nghĩa vụ nhận nợ bắt buộc.
- 4.2. Thời hạn nhận nợ bắt buộc: được tính kể từ ngày NCB phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo Cam kết bảo lãnh cho đến ngày Bên được cấp tín dụng thanh toán đầy đủ cho NCB số tiền nhận nợ bắt buộc và tiền lãi, phí, chi phí, phạt, bồi thường (nếu có). Bên được cấp tín dụng phải hoàn trả số tiền nhận nợ bắt buộc theo thời gian NCB thông báo. Nếu không hoàn trả hoặc không hoàn trả đầy đủ đúng hạn thì Bên được cấp tín dụng phải chịu lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng đồng thời NCB được áp dụng các biện pháp thu hồi nợ quá hạn kể cả xử lý tài sản bảo đảm đã thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng.

PHẦN C. ĐIỀU KHOẢN CHI TIẾT VỀ VIỆC CẤP TÍN DỤNG KHÁC

Ngoài các điều khoản chung theo quy định tại Phần A bản Điều Khoản Điều Kiện Chung này, chi tiết liên quan tới việc cấp tín dụng dưới các hình thức cấp tín dụng khác được thực hiện theo quy định tại các Hợp đồng chiết khấu, Hợp đồng/Thỏa thuận cấp bảo lãnh và/hoặc các Hợp đồng/Thỏa thuận cấp tín dụng khác giao kết giữa NCB và Bên được cấp tín dụng.

PHỤ LỤC 01: VỀ ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN CHUNG VỀ BẢO VỆ VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Khách hàng đồng ý áp dụng, phối hợp và cam kết tuân thủ Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (sau đây gọi là Ngân hàng) và đồng ý cho Ngân hàng được thực hiện các hành động để xử lý Dữ liệu cá nhân của Chủ thẻ dữ liệu/Khách hàng.

1. Giải thích từ ngữ:

- 1.1 **“Dữ liệu cá nhân”** là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể. Dữ liệu cá nhân bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm.
- 1.2 **“Dữ liệu cá nhân cơ bản”** bao gồm:
- Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác (nếu có);
 - Ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm chết hoặc mất tích;
 - Giới tính;
 - Nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại, quê quán, địa chỉ liên hệ;
 - Quốc tịch;
 - Hình ảnh của cá nhân;
 - Số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu, số giấy phép lái xe, số biển số xe, số mã số thuế cá nhân, số bảo hiểm xã hội, số thẻ bảo hiểm y tế;
 - Tình trạng hôn nhân;
 - Thông tin về mối quan hệ gia đình (cha mẹ, con cái);
 - Thông tin về tài khoản số của cá nhân; dữ liệu cá nhân phản ánh hoạt động, lịch sử hoạt động trên không gian mạng;
 - Các thông tin khác gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể mà không thuộc trường hợp dữ liệu cá nhân nhạy cảm.
- 1.3 **“Dữ liệu cá nhân nhạy cảm”** là dữ liệu cá nhân gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân mà khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp với quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân gồm:
- Quan điểm chính trị, quan điểm tôn giáo;
 - Tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án, không bao gồm thông tin về nhóm máu;
 - Thông tin liên quan đến nguồn gốc chủng tộc, nguồn gốc dân tộc;
 - Thông tin về đặc điểm di truyền được thừa hưởng hoặc có được của cá nhân;
 - Thông tin về thuộc tính vật lý, đặc điểm sinh học riêng của cá nhân;
 - Thông tin về đời sống tình dục, xu hướng tình dục của cá nhân;
 - Dữ liệu về tội phạm, hành vi phạm tội được thu thập, lưu trữ bởi các cơ quan thực thi pháp luật;
 - Thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các tổ chức được phép khác, gồm: thông tin định danh khách hàng theo quy định của pháp luật, thông tin về tài khoản, thông tin về tiền gửi, thông tin về tài sản gửi, thông tin về giao dịch, thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;
 - Dữ liệu về vị trí của cá nhân được xác định qua dịch vụ định vị;
 - Dữ liệu cá nhân khác được pháp luật quy định là đặc thù và cần có biện pháp bảo mật cần thiết.
- 1.4 **“Xử lý dữ liệu cá nhân”** là một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu cá nhân, như: thu thập, ghi phân tích, xác nhận, lưu trữ, chỉnh sửa, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, cung cấp, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu cá nhân hoặc các hành động khác có liên quan.

- 1.5 “**Khách hàng**” là chủ thể dữ liệu cá nhân (cá nhân được Dữ liệu cá nhân phản ánh) để tiếp cận, tìm hiểu, đăng ký, sử dụng hoặc có liên quan trong quy trình hoạt động, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng.
- 1.6 “**Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân**” là tổ chức, cá nhân quyết định mục đích và phương tiện xử lý dữ liệu cá nhân
- 1.7 “**Bên Xử lý dữ liệu cá nhân**” là tổ chức, cá nhân thực hiện việc xử lý dữ liệu thay mặt cho Bên Kiểm soát dữ liệu, thông qua một hợp đồng hoặc thỏa thuận với Bên Kiểm soát dữ liệu.
- 1.8 “**Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân**” là tổ chức, cá nhân đồng thời quyết định mục đích, phương tiện và trực tiếp xử lý dữ liệu cá nhân

2. Những quy định chung:

- 2.1 Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân được áp dụng đối với mọi Dữ liệu cá nhân khi tham gia/xác lập các giao dịch giữa Khách hàng với Ngân hàng, thể hiện sự đồng ý toàn bộ của Khách hàng đối với Ngân hàng trong việc Xử lý dữ liệu cá nhân của khách hàng.
- 2.2 Ngân hàng đề cao và tôn trọng quyền riêng tư, bảo mật và an toàn thông tin cá nhân. Đồng thời, Ngân hàng luôn nỗ lực bảo vệ thông tin cá nhân, quyền riêng tư của Khách hàng (bao gồm cả những chủ thể có liên quan của Khách hàng) và tuân thủ quy định pháp luật.
- 2.3 Ngân hàng chỉ thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu cá nhân của Khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật và trong phạm vi (các) thỏa thuận giữa Ngân hàng và Khách hàng.
- 2.4 Bằng việc cung cấp dữ liệu cá nhân của một bên thứ ba (bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thông tin của người phụ thuộc, người có liên quan theo quy định pháp luật, vợ/chồng, con cái và/hoặc cha mẹ và/hoặc người giám hộ, bạn bè, người tham chiếu, bên thụ hưởng, người được ủy quyền, đối tác, người liên hệ trong các trường hợp khẩn cấp hoặc cá nhân khác của Khách hàng) cho Ngân hàng, Khách hàng cam đoan, bảo đảm và chịu trách nhiệm rằng Khách hàng đã có được sự đồng ý hợp pháp của bên thứ ba đó cho việc xử lý và thông tin về việc Ngân hàng là chủ thể xử lý các thông tin cá nhân cho các mục đích được nêu tại Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- 2.5 Phụ thuộc vào vai trò của Ngân hàng trong từng tình huống cụ thể là (i) Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân; (ii) Bên Xử lý dữ liệu cá nhân; hoặc (iii) Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu, Ngân hàng sẽ thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm tương ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 2.6 Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân sẽ được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có bất kỳ xung đột hoặc mâu thuẫn nào với các thỏa thuận, điều khoản và điều kiện chi phối mối quan hệ của Khách hàng với Ngân hàng, cho dù được ký kết trước, vào ngày hoặc sau ngày Khách hàng chấp thuận Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này.
- 2.7 Tất cả các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng và Khách hàng tại Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này sẽ không thay thế, chấm dứt hoặc thay đổi, nhưng sẽ là cộng dồn vào các quyền mà Ngân hàng và Khách hàng đang có ở bất kỳ văn bản nào và không một điều khoản nào trong Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này hàm ý hạn chế hoặc xóa bỏ bất kỳ quyền nào trong số các quyền của Ngân hàng

3. Các hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân:

3.1 Thu thập dữ liệu cá nhân

- 3.1.1 Để Ngân hàng có thể cung cấp các sản phẩm, dịch vụ cho Khách hàng và/hoặc xử lý các yêu cầu của Khách hàng, Ngân hàng có thể cần phải và/hoặc được yêu cầu phải thu thập dữ liệu cá nhân, bao gồm: (i) Dữ liệu cá nhân cơ bản và (ii) Dữ liệu cá nhân nhạy cảm có liên quan đến Khách hàng và các cá nhân có liên quan của Khách hàng.
- 3.1.2 Ngân hàng có thể thu thập trực tiếp hoặc gián tiếp những dữ liệu cá nhân này từ Khách hàng hoặc trong quá trình Ngân hàng cung cấp bất kỳ sản phẩm, dịch vụ nào cho Khách hàng, và từ các nguồn sau bao gồm nhưng không giới hạn:

- a) Thông qua quan hệ được thiết lập giữa Ngân hàng và Khách hàng khi Khách hàng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng hoặc tham gia vào các chương trình, hoạt động của Ngân hàng;
- b) Từ các nhà cung cấp, bên cung cấp dịch vụ, đối tác, bên liên kết và các bên thứ ba có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- c) Từ các bên thứ ba có quan hệ với Khách hàng, bao gồm nhưng không giới hạn người sử dụng lao động, đồng sở hữu tài khoản, bên bảo lãnh, bên cung cấp biện pháp bảo đảm; bên giao dịch;
- d) Từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác tại Việt Nam;
- e) Từ hoạt động phân tích các hoạt động của Khách hàng trong quá trình sử dụng các sản phẩm dịch vụ tại Ngân hàng;
- f) Từ nguồn của bên thứ ba, mà Khách hàng đồng ý việc chia sẻ/cung cấp dữ liệu cá nhân, hoặc những nguồn mà việc thu thập phù hợp với quy định của pháp luật.

3.2 Mục đích xử lý dữ liệu cá nhân:

3.2.1 Ngân hàng được quyền xử lý dữ liệu cá nhân cho các mục đích sau đây:

- a) Xác minh tính chính xác, đầy đủ của các thông tin được Khách hàng cung cấp; xác định hoặc xác thực danh tính của Khách hàng và thực hiện quy trình xác thực khách hàng;
- b) Triển khai, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ cho Khách hàng; xác lập bất cứ giao dịch nào giữa Ngân hàng với Khách hàng (bao gồm nhưng không giới hạn các sản phẩm của bên thứ ba như sản phẩm đầu tư hoặc bảo hiểm);
- c) Thẩm định hồ sơ pháp lý, tín dụng, tài sản và khả năng đủ điều kiện của Khách hàng đối với bất kỳ sản phẩm và dịch vụ nào do Ngân hàng đề xuất hoặc cung cấp;
- d) Liên hệ với Khách hàng nhằm trao đổi thông tin, giao các hóa đơn, các sao kê, các báo cáo hoặc các tài liệu khác có liên quan;
- e) Thông báo cho Khách hàng các thông tin về quyền lợi, thay đổi các tính năng của sản phẩm, dịch vụ;
- f) Quản lý và đánh giá các hoạt động kinh doanh bao gồm thiết kế, cải tiến và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng hoặc thực hiện các hoạt động truyền thông tiếp thị;
- g) Lập các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động hoặc các loại báo cáo liên quan khác theo quy định pháp luật;
- h) Thực hiện nghiên cứu thị trường, khảo sát và phân tích dữ liệu liên quan đến bất kỳ các sản phẩm, dịch vụ nào do Ngân hàng cung cấp (dù được thực hiện bởi Ngân hàng hay một bên thứ ba khác mà Ngân hàng hợp tác) mà có thể liên quan đến Khách hàng;
- i) Bảo vệ lợi ích hợp pháp của Ngân hàng và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan;
- j) Ngăn chặn hoặc giảm thiểu mối đe dọa đối với tính mạng, sức khỏe của người khác và lợi ích công cộng;
- k) Để đáp ứng, tuân thủ các chính sách nội bộ của Ngân hàng, các thủ tục và bất kỳ quy tắc, quy định, hướng dẫn, chỉ thị hoặc yêu cầu được ban hành bởi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.
- l) Để đánh giá bất kỳ yêu cầu mua lại, tiến hành giao dịch mua lại, chuyển giao việc kinh doanh và/hoặc tài sản, chuyển giao hoặc chuyển nhượng quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ theo (những) hợp đồng giữa Khách hàng với Ngân hàng;
- m) Để bảo vệ hoặc thực thi các quyền của Ngân hàng, bao gồm việc để thu các khoản phí, lệ phí, và/hoặc để thu hồi bất kỳ khoản nợ nào, theo bất kỳ thỏa thuận nào giữa Khách hàng và Ngân hàng.
- n) Cho các nhà cung cấp/các bên cung cấp dịch vụ/đối tác của Ngân hàng để thực hiện dịch vụ cho Khách hàng và/hoặc Ngân hàng;
- o) Để phục vụ hoạt động kiểm toán, quản lý rủi ro và tuân thủ của Ngân hàng;

- p) Để nhận biết, xác minh và duy trì thông tin chính xác về nhận biết Khách hàng (KYC), thực hiện việc tìm kiếm, xác minh và kiểm tra phòng chống rửa tiền, FATCA, tín dụng hoặc các kiểm tra khác theo yêu cầu;
 - q) Ngân hàng được sử dụng dữ liệu cá nhân của Khách hàng được ghi lại bởi hệ thống an ninh giám sát cho các mục đích sau đây: (i) cho mục đích an ninh công cộng và an toàn lao động; (ii) phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm có thể phát sinh tại các địa điểm kinh doanh của Ngân hàng hoặc trong việc sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng; (iii) phát hiện và ngăn chặn hành vi phạm tội; và/hoặc để tiến hành điều tra các vấn đề phát sinh khác.
- 3.2.2 Ngân hàng sẽ yêu cầu sự đồng ý từ Khách hàng trước khi sử dụng dữ liệu cá nhân của Khách hàng cho mục đích khác ngoài các mục đích đã được nêu tại Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3.3 Xử lý dữ liệu cá nhân trong một số trường hợp đặc biệt:

- 3.3.1 Ngân hàng sẽ có thể ghi âm, ghi hình và xử lý dữ liệu cá nhân thu thập được từ camera quan sát ("CCTV") tại các khu vực có lắp CCTV (bao gồm nhưng không giới hạn bởi khu vực ATM, khu vực ở hành lang, khu vực lối ra/lối...) phù hợp với các yêu cầu đảm bảo an ninh trong hoạt động Ngân hàng và cho Khách hàng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Ngân hàng đảm bảo sẽ có phương thức thông báo phù hợp đến Khách hàng theo đúng quy định của pháp luật.
- 3.3.2 Ngân hàng luôn tôn trọng và bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em. Ngoài các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân được quy định theo pháp luật, trước khi xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em, Ngân hàng sẽ thực hiện xác minh tuổi của trẻ em và yêu cầu sự đồng ý của (i) trẻ em và/hoặc (ii) cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em theo quy định của pháp luật.
- 3.3.3 Đối với việc xử lý dữ liệu cá nhân liên quan đến dữ liệu cá nhân của người bị tuyên bố mất tích/người đã chết, Ngân hàng sẽ phải được sự đồng ý của vợ, chồng hoặc con thành niên của người đó, trường hợp không có những người này thì phải được sự đồng ý của cha, mẹ của người bị tuyên bố mất tích, người đã chết trừ trường hợp quy định tại 3.3.1 và 3.3.4
- 3.3.4 Xử lý dữ liệu cá nhân trong trường hợp không cần sự đồng ý của Chủ thể dữ liệu:
 - a) Trong trường hợp khẩn cấp, cần xử lý ngay dữ liệu cá nhân có liên quan để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của chủ thể dữ liệu hoặc người khác.
 - b) Việc công khai dữ liệu cá nhân theo quy định của luật.
 - c) Việc xử lý dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm; khi có nguy cơ đe dọa an ninh, quốc phòng nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; phòng, chống bạo loạn, khủng bố, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định của luật.
 - d) Để thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của chủ thể dữ liệu với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của luật
 - e) Phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước đã được quy định theo luật chuyên ngành

3.4 Việc chuyển giao và cung cấp dữ liệu cá nhân:

- 3.4.1 Nhằm thực hiện các mục đích và hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân tại Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này, Ngân hàng có thể cung cấp dữ liệu cá nhân của Khách hàng hoặc dữ liệu cá nhân của các bên thứ ba có liên quan đến Khách hàng, cho một hoặc các bên dưới đây:
 - a) Các đối tác kinh doanh, nhà cung cấp phần thưởng, nhà cung cấp quà tặng, các bên đồng thương hiệu, chương trình khách hàng thân thiết, các nhà quảng cáo, tổ chức từ thiện hoặc tổ chức phi lợi nhuận; bất kỳ tổ chức tín dụng, đại lý và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính, thương nhân, tổ chức chuyển mạch thẻ, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, đơn vị chấp nhận thẻ, tổ chức thẻ quốc tế VISA, tổ chức thẻ quốc tế

MasterCard và các tổ chức thẻ khác liên quan đến bất kỳ sản phẩm, dịch vụ nào mà Ngân hàng cung cấp cho Khách hàng;

- b) Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc bất kỳ cá nhân, cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan quản lý hoặc bên thứ ba mà Ngân hàng được phép hoặc bắt buộc phải tiết lộ theo quy định pháp luật của bất kỳ quốc gia, hoặc theo bất kỳ hợp đồng/thỏa thuận hoặc cam kết nào khác giữa bên thứ ba và Ngân hàng;
- c) Các công ty thành viên, công ty con của Ngân hàng;
- d) Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan hoặc tổ chức nào khác được thành lập bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan khác có thẩm quyền đối với Ngân hàng;
- e) Bất kỳ cá nhân nào sở hữu tài khoản chung/tài sản chung cùng với Khách hàng;
- f) Bất kỳ cá nhân nào có liên quan đến việc thực thi hoặc duy trì bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào theo (các) thỏa thuận giữa Khách hàng với Ngân hàng;
- g) Các bên thứ ba mà Khách hàng đồng ý để chia sẻ dữ liệu cá nhân của Khách hàng.

4. Chuyển giao dữ liệu cá nhân ra nước ngoài:

- 4.1 Nhằm thực hiện mục đích xử lý dữ liệu cá nhân tại Điều khoản và điều kiện về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này, Ngân hàng có thể phải cung cấp/chia sẻ dữ liệu cá nhân của Khách hàng đến các bên thứ ba liên quan của Ngân hàng và các bên thứ ba này có thể tại Việt Nam hoặc bất cứ địa điểm nào khác nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- 4.2 Khi thực hiện việc cung cấp/chia sẻ dữ liệu cá nhân ra nước ngoài, Ngân hàng sẽ yêu cầu bên tiếp nhận đảm bảo rằng dữ liệu cá nhân của Khách hàng được chuyển giao cho họ sẽ bảo mật và an toàn. Ngân hàng đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ pháp lý và quy định liên quan đến việc chuyển giao dữ liệu cá nhân của Khách hàng.

5. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng liên quan đến dữ liệu cá nhân cung cấp cho Ngân hàng

- 5.1 Khách hàng có các quyền sau đây: (i) Quyền được biết; (ii) Quyền đồng ý; (iii) Quyền truy cập; (iv) Quyền rút lại sự đồng ý; (v) Quyền xóa dữ liệu; (vi) Quyền hạn chế xử lý dữ liệu; (vii) Quyền cung cấp dữ liệu; (viii) Quyền phản đối xử lý dữ liệu; (ix) Quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện; (x) Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại; (xi) Quyền tự bảo vệ và các quyền có liên quan khác theo quy định của pháp luật.
- 5.2 Trong phạm vi pháp luật cho phép, Khách hàng có thể thực hiện các quyền của mình bằng cách liên hệ trực tiếp với Ngân hàng hoặc thông qua tổng đài Chăm sóc khách hàng.
- 5.3 Ngân hàng, bằng sự nỗ lực hợp lý, sẽ thực hiện yêu cầu hợp pháp và hợp lệ từ Khách hàng trong khoảng thời gian luật định kể từ khi nhận được yêu cầu hoàn chỉnh và hợp lệ và phí xử lý liên quan (nếu có) từ Khách hàng, tùy thuộc vào quyền của Ngân hàng được viện dẫn đến bất kỳ sự miễn trừ và/hoặc ngoại lệ nào theo quy định pháp luật.
- 5.4 Khi Khách hàng rút lại sự đồng ý của mình đối với bất kỳ hoặc tất cả các mục đích, yêu cầu xóa Dữ liệu, yêu cầu hạn chế xử lý dữ liệu hoặc phản đối xử lý dữ liệu, tùy thuộc vào yêu cầu của Khách hàng, việc thực hiện theo các yêu cầu của Khách hàng, việc thực hiện theo các yêu cầu này có thể làm cho việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng bị giới hạn, hạn chế, tạm ngừng, hủy bỏ, ngăn cản hoặc bị cấm đoán. Các yêu cầu của Khách hàng tại quy định này dẫn đến việc Ngân hàng có thể sẽ không cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm, dịch vụ đầy đủ và chất lượng như thông thường hoặc tùy trường hợp Ngân hàng có thể quyết định việc ngừng, không tiếp tục cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ. Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm với Khách hàng cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh và các quyền hợp pháp của Ngân hàng sẽ được bảo lưu một cách rõ ràng đối với việc giới hạn, hạn chế, tạm ngừng, hủy bỏ, ngăn cản, hoặc cấm đoán đó.

Trong những trường hợp mà Dữ liệu cá nhân do Khách hàng đã cung cấp là điều kiện tiên quyết cho việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ, các yêu cầu về thu hồi sự đồng ý, xóa dữ liệu, hạn chế xử lý dữ liệu mà Khách hàng đưa ra có thể được Ngân hàng xem là quyết định chấm dứt từ phía Khách hàng cho bất kỳ mối quan hệ hợp đồng nào mà Khách hàng có với Ngân hàng.

- Các yêu cầu của Khách hàng tại Quy định này không ảnh hưởng đến tính hợp pháp của các hoạt động xử lý Dữ liệu trước đó của Ngân hàng
- 5.5 Vì mục đích bảo mật, Khách hàng cần phải đưa ra yêu cầu của mình bằng văn bản hoặc sử dụng phương pháp khác để chứng minh và xác thực danh tính của Khách hàng. Ngân hàng có thể yêu cầu Khách hàng xác minh danh tính trước khi xử lý yêu cầu của Khách hàng.
- 6. Biện pháp Bảo mật dữ liệu cá nhân:**
- 6.1 Ngân hàng xem các dữ liệu cá nhân của Khách hàng như là tài sản quan trọng nhất của Ngân hàng và Ngân hàng đảm bảo tính bảo mật, an toàn, tuân thủ pháp luật, hạn chế các hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra (bao gồm nhưng không giới hạn: rò rỉ dữ liệu hoặc xử lý dữ liệu không phù hợp gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Khách hàng). Trách nhiệm bảo mật dữ liệu cá nhân của Khách hàng là yêu cầu bắt buộc Ngân hàng đặt ra cho toàn thể nhân viên.
- 6.2 Ngân hàng thực hiện trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành và thường xuyên xem xét và cập nhật các biện pháp xử lý và kỹ thuật xử lý dữ liệu cá nhân của Khách hàng (nếu có).
- 7. Lưu trữ dữ liệu cá nhân**
- 7.1 Dữ liệu cá nhân của Khách hàng do Ngân hàng lưu trữ sẽ được bảo mật. Ngân hàng sẽ thực hiện các biện pháp hợp lý để bảo vệ dữ liệu cá nhân của Khách hàng.
- 7.2 Ngân hàng lưu trữ dữ liệu cá nhân của Khách hàng trong khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành các mục đích theo Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này, trừ khi thời gian lưu trữ dữ liệu cá nhân lâu hơn được yêu cầu hoặc cho phép bởi các quy định pháp luật hiện hành.
- 8. Sửa đổi**
- Ngân hàng được quyền sửa đổi, cập nhật hoặc điều chỉnh các điều khoản của Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân này phù hợp với quy định của pháp luật trong từng thời kỳ và/hoặc nhằm đảm bảo hiệu quả của việc bảo vệ dữ liệu cá nhân đảm bảo quyền lợi của khách hàng và Ngân hàng. Thông báo về sự sửa đổi, cập nhật hoặc điều chỉnh Điều khoản và điều kiện chung về Bảo vệ dữ liệu cá nhân sẽ được cập nhật, đăng tải trên trang điện tử của Ngân hàng: <https://www.ncb-bank.vn/> và/hoặc Mobile banking/Internet banking và/hoặc thông báo đến khách hàng thông qua các phương tiện khác phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa Ngân hàng và khách hàng.
9. Khách hàng đã đọc, tìm hiểu và nắm được đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của Chủ thể dữ liệu với tư cách là Chủ thể dữ liệu, loại Dữ liệu cá nhân được xử lý, mục đích xử lý và các tổ chức, cá nhân được Xử lý dữ liệu cá nhân.